

YẾN-LAN

YẾN-LAN, còn bút hiệu nữa Xuân Khai, tên thật là Lâm Thanh Lang; sinh năm 1918 tại làng An-ngãi, phủ An-nhon, tỉnh Bình-dịnh.

Ông đã đăng thơ trên các tạp chí :

- Phụ nữ
- Nghệ thuật
- Tiểu thuyết thứ năm

Là một nhà thơ đồng thời với Thế-Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân-Diệu, Huy-Cận v. v..., nhưng ông không hoạt động mạnh về thi ca; ông tỏ ra là một nhà thơ tài tử hơn nhà nghề.

Thi phẩm của Yến-Lan chưa xuất bản : Bến Mĩ-lãng.

TIẾNG thơ Yến-Lan mang một nỗi niềm xa vắng ; tơ lòng mà thi sĩ họ Lâm ký thác là một thứ chất liệu mơ hồ, mung lung ; hồn thơ có vẻ huyền ảo xa vời. Đọc Yến-Lan, giới yêu thơ bị lôi cuốn vào thế giới suy tư, một cõi im lặng, một sự trầm mặc nhẹ nhàng, nhưng bao hàm ý nghĩa của sự sống, của cuộc đời.

Hình ảnh ông lão trên bến My-lăng không phải là một lão điều ngư sống nhờ bọt nước, cũng không phải là ông già chèo dò tâm thường chú trọng vào sinh hoạt áo cơm.

Đêm trăng hôm nay đã khiến lão mơ màng về đêm trăng ở đi vắng, làm cho lão nhớ lại chiều nào trên con đường ở ven rừng, bao chiếc lá rơi trong mùa thu vàng rụng, chìm hít cô buống ra trong làn không khí rừng êm những tiếng kêu luyến tiếc, náo nức. Ông hoài tưởng, cũng một đêm trăng muôn thuở của đất trời, nhưng ngày tháng thì trôi pha lăm rồi ; lão đã trò chuyện tương đắc với một chàng trai trẻ.

Một người nổi nghiệp hào hùng ?

Một thế hệ kế tiếp một thế hệ bất khuất ?

Một Kinh-Kha kiên cường của Thái-tử Yên-Đan, vượt bờ Dịch-thủy với sứ mạng tiêu diệt Tần-vương sớm chấm dứt cuồng vọng thôn tính chư hầu ?

— Mọi hình sắc dũng khí đều có thể tắt cả. Nói chung, chàng trai ấy là nguồn sống tiềm ẩn bất diệt của lòng lão ; cho nên đêm trăng hôm nay lão lăm bầm tự hỏi :

*Ừ sao không nhớ người trai trẻ,
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng.*

Họ, một già một trẻ, đã nói những gì ? — Nào biết ! Ta chỉ biết rằng sau khi tan hội, họ đi nhau đến cuối làng, thì thăm, khuyên nhủ, đề rồi sau đó chàng trai trẻ như lãnh hội, liền đứng lên trên cầu « buộc lại dải khăn » ra đi :

*Đêm qua tan hội trong làng cuối,
Khi đứng bên cầu buộc dải khăn.*

Đến đêm trăng này, lão buồn, neo chiếc thuyền không trên bến vắng, ngồi chờ đợi cố nhân. Bầu rượu đã vơi, ánh trăng vàng rơi rụng trên lá sách ; lão thần thờ thả hồn về giải trắng xưa, mặc cho làn gió tinh nghịch mơn man râu lão.

Cho mãi đêm kia, có chàng kỳ mã gọi trăng ruồi ngựa đến bến My-lăng, rồi :

*Chàng gọi dò, gọi dò như hối hạ
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.*

nhưng :

*Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,
Đề thuyền hồn bơi khỏi bến My-lăng.*

Sự im lặng của lão càng làm cho chàng kỳ mã nồn na :

*Tiếng gọi dò, gọi dò như oán trách,
Gọi dò thôi run rẩy cả ngành trăng.*

Vắng lặng, tịch mịch ! Tiếng gọi vang động ánh trăng ngà, âm ba vượt khỏi vùng bến nước, chìm dần trong khoảng không vô tận của âm thanh, và ông lão vẫn :

*Bến My-lăng còn lạnh, bến My-lăng
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng.*

Thế thì ông lão chờ ai ? đợi ai ? Thật là ông già kỳ bí ! Ta cứ ngỡ sự xuất hiện của chàng kỳ mã sẽ đáp ứng được lòng mong đợi của lão. Nhưng không, lão vẫn buồn chờ người trai trẻ năm nào. Cũng phải. « Tiếng gọi dò » của chàng kỳ mã đã đánh giá ông lão ngang hàng như một người lái dò độ nhật tâm thường thì ông lão làm sao xem người kỳ mã là chàng trai lão mong đợi.

Hoài-Thanh nói : « Xem thơ Yến-Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù. Khi đầu thì cũng hay hay, nhưng dần lâu cơ hồ ngạt thở. »

Máy vần thơ của Yến-Lan phong kín tâm tư, ý tứ như khóa chặt, điệu thơ chập chờn mờ tỏ, lời thơ tựa hồ mâu thuẫn. Người đọc sẽ ngạc nhiên về sự xuất hiện của chàng kỳ mã, gọi dò « run rẩy cả ngành trăng », vậy mà ông lão

không họa tiếng. Thật là một ông già khó hiểu và khó tính !
 Câu không ra câu. Đọc sách không ra đọc sách. Đưa đồ lại
 không phải là nghề nghiệp. Lão chỉ chờ đợi một Người ;
 người ấy, phải chăng như nhà hiền triết Hy-lạp xách đèn
 đi giữa thành phố Athènes để tìm kiếm một Người ? (1)

(10-1968)



Thi tuyển

Bến My-lăng

Bến My-lăng nằm không, thuyền đợi khách,
 Rượu hết rồi, ông lái chèo buồm câu.
 Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách,
 Ông lái buồn đề gió lên mạn râu.

Ông không muốn run người ra tiếng địch,
 Chờ mãi hồn lên tằm bến trắng cao.
 Vì dịu hiu, dịu hiu, trời tình mịch.
 Trời vô vàng, trời thiếu những vì sao.

Trôi quanh thuyền, những lá vàng quá lạnh,
 Tơ vương trời, nhưng chỉ giải trắng trắng.
 Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quạnh,
 Đêm buồn vầy phủ bến My-lăng.

Nhưng đêm kia có một chàng kỳ mã,
 Nhung đầy trắng màu áo ngọc lưu ly.
 Chàng gọi dò, gọi dò như hỏi hà,
 Sợ trắng vàng rơi khuất lối chưa đi.

Ông lão vẫn say trắng, đầu gối sách,
 Đề thuyền hồn bơi khỏi bến My-lăng.
 Tiếng gọi dò, gọi dò như oán trách,
 Gọi dò thôi run rẩy cả ngành trắng.

Bến My-lăng còn lạnh, bến My-lăng
 Ông lại buồn đợi khách đã bao trăng.

(Bến My-lăng)



1) Khi viết xong phần khảo luận Yên-Lan, chúng tôi tìm được thêm ba thi
 báo loại tình cảm (Ngựa qua từng chuyển, Đương xuân ngập nio, Nghe
 con dâng châu), nhất là bài Nghe con dâng châu lời thơ ngọt dịu, ý thơ
 chơi vơi ; và bài Một mối thất tình, mang một sắc thái khác lạ của
 Yên-Lan.

Nhớ

Một buổi trong rừng chim « hít cô »
 Dịu dàng buồn nhẹ xuống hư vô
 Những trăng ngọc tiếng lẳng trong gió,
 Theo những dòng mây chảy lặng lẽ.

Tôi nhớ trên đường bao vẫy lá,
 Mà thu vàng rụng giữa ngày khô !
 Ứ sao không nhớ người trai trẻ,
 Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng ?
 (Đêm qua tan hội trong làng cuối,
 Khi đứng hên cầu buộc dải khăn).
 (Bến Mỹ-lũng)



Ngựa qua lũng chuyển

Nàng từ tuổi sánh hạp
 Không hay chông đã hỏi !
 Chàng từng bữa đi qua,
 Yêu mà không dám nói.
 Trưa hào hoa mình lựa,
 Thương trời ngơ ngần xanh.
 Buồn nghe qua chuyển ngựa
 Trên giải làng quanh quanh.
 Gặp thuở trời tháng bảy
 Mưa ngâu dài trên sông !
 Đường không xa gì mấy,
 Lòng ơi, cách chẳng cùng.
 Thuyền từ xa bãi sậy,
 Cỏ ghen sầu cổ nhân.
 Ngõ nàng mà quanh ấy,
 Ngựa chàng đến mấy lần.

Ứ sao mà tương tư ?
 Thương gì nơi vầng giếng ?
 Nhớ nào ở hương thu ?
 Ngựa chàng sang hàng chuyển.
 Đàng vãn nao dòng cũ,
 Ngựa vào bước chân xưa !
 Áo chàng xanh lam lữ,
 Trời ơi, trời đừng mưa !

(Gió mùa, số 4, tuần lễ từ 3 đến 10-1-1942)



Nghe con đàn chày

Lòng hơi lòng nghe con đàn lặng chày
 Chiêm bao lên, trắng chậm xuống, buồn nhiều,
 Chiều trong gió thổi qua đầu lau sậy,
 Thiếp ra xe, chàng tiến một lòng tiêu ?
 Thiếp nhìn lại, chàng mơ bên cánh cửa,
 Tóc thạch huyền và mặt ứng duyên trăng !
 Đường riu riu chảy rồi, tay bờ ngõ,
 Rung trên tiêu, trao kín những băng khuâng.
 Đây là cả Ổ-giang trong tình mịch,
 Hồn Ngu-Cơ than khóc ở ven lau.
 Qua đầu ngực, thiếp nhìn non cô tịch,
 Chảy theo đàn như một khối khô lâu
 Xe lạnh lẽo — trơ vơ lòng viễn khách —
 Trôi gập ghềnh trên dòng cát phiêu lưu.
 Tay trên ngực, ở ngoài tay : trắng bạch,
 Đây ngoài trắng suốt động dưới chân hươu.
 Chàng đã khuất : bóng đen trên cửa sờ,
 Ánh đèn lu còn ửng ở sau đêm !
 Sông vắng lặng, trắng không thuyền xuống bến,
 Ghé trên lòng xanh thăm liễu bên cầu.
 Xứ thương nhớ, nghìn đời e khó đến,
 Trán thiếp buồn để tóc kết sương thu.

Đường ơi đường, trong cuộc trôi mãi mãi,
 Có cùng chàng vướng theo bánh xe lăn.
 Một ít nhớ của những người hồ hải,
 Theo lá vàng rơi xuống những băng khuâng.
 Và cả những tiếc thương người ở lại,
 Có cùng đường theo chảy nhớ lằng lằng.

Lời ký nữ trôi trên dòng thương lững,
 (Lòng hào hoa du khách lốt yêu đương).
 Như những khúc tiêu buồn trôi ngập ngừng,
 Không nơi vẽ, tận mắt khắp nghìn phương.



Đường xuân ngập gió

Cây vươn cao lên, nặng tỏa gần,
 Vàng bay vào lá ửng băng khuâng
 Chập chờn như lạc vào ân ái.
 Mây lằng tìm mây cánh trắng ngàn.
 Đường trải lời thơ ngập bánh xe.
 Người nghiêng nghiêng hứng gió qua khe.
 Tàn tàn pháo nổ trong xa vắng,
 Giờ rớt xuân chang những gốc chề.
 Đường chằng dài ra, ngựa cứ theo ;
 Lòng yêu hơn giếng nước trong veo.
 Người qua bến cát như qua lụa,
 Chừng ngủ đêm nay giữa gió vào !
 Giữa cõi trời tươi như cõi mơ,
 Người đi đây ai tuổi ngây thơ,
 Biết rằng xa lắm, tình xa lắm,
 Đã cách người trong vạn đợi chờ.
 Tôi thấy người đi trong tháng niêng,
 Vàng phai, phai ử cuộc tình duyên.
 Giao thừa năm ấy họa chờ ngó,
 Không nở tung ra những sắc liền

Đêm nay cũng có tiếng xe đi,
 Đường cũ cong cong ngỡ ý gì ?
 Chỉ thấy bàn tay người khớp ngựa.
 Dừng roi chậm xéo cánh hoa bay.

Và liêu bên đường sông phút mơ,
 Xếp hàng nhau như vạn trang thơ
 Đợi bàn tay lạ, bàn tay gió,
 Lật giải tung ra tờ lại tờ...

Những kẻ ngồi xe như bánh xe
 Vô tình rộn rã chẳng im nghe
 Lời chim trải lụa trong âm điệu,
 Và kết vàng trên sóng « tóc thế ».

(Tiêu huyết thứ năm, số 19,
 Giao thừa, tháng hai 1959)



Một mối thất tình

Bề đây sông và lòng ta đây giận,
 Đời đang xuân nhưng óc chẳng còn xuân,
 Yêu một đêm mà ghét lại trăm tuần,
 Ta hung dữ như những ngày nắng đậm.
 Hồn chật chội toàn bao lời ngán cấm,
 Biết làm sao thoát được ử thanh cao ?
 Thờ mặt trời và lạy cả muôn sao,
 Chờ ánh sáng từng trùng tuần thấu sọ.
 Hoa có một mà vương bao nhiêu gió,
 Bao nhiêu trăng và biết mấy muôn sương,
 Như tình ta chỉ đến một nẻo đường,
 Mà chờ đợi biết bao là sóng mắt !
 Đường thẳng quá gió hàng bay phăng phắc,
 Trời hằng sao và ánh sáng hằng tuôn,
 Xuân hồn ta theo nhịp những điệu cuồng,
 Xuân của óc, xuân của tim, của phổi

*Ta hằng cười trước linh hồn hấp hối,
Cười mệnh mông không một phút ưu lo.
« Cái ta » ta từ những thuở ban sơ,
Một lần cảm đã một lần lo sợ.*

Xuân-Khai (1)

(Tiền thuyết thư năm, số Giao-Thừa, 1939)



1) Một bút hiệu khác của Yến-Lan tiêu biểu một lối thơ khác.